



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI**  
**KHU VỰC IX**

**cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**đã được kiểm toán**

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AACCS**



# CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Số 279 đường 3/2, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### Khái quát về công ty

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX tiền thân là Công ty Hoa tiêu khu vực IX, là Công ty nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1552/QĐ-BGTVT ngày 02 tháng 06 năm 2008 thuộc Bộ Giao thông Vận tải. Ngày 25 tháng 06 năm 2010, Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 1769/QĐ-BGTVT về việc chuyển đổi Công ty Hoa tiêu khu vực IX thành Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX.

Ngày 24 tháng 10 năm 2011 theo quyết định số 2399/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX được chuyển về làm đơn vị thành viên của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500997973 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 02 tháng 12 năm 2008.

Công ty đã có 06 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần gần nhất vào ngày 07 tháng 05 năm 2022.

### Trụ sở đăng ký

Số 279 đường 3/2, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

### Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty

Chủ tịch và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và đến ngày lập các báo cáo tài chính này bao gồm:

<b>Chủ tịch Công ty</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bổ nhiệm</b>	
- Ông Vũ Tiến Việt	Chủ tịch Công ty	01-11-2017	
	Kiểm điều hành Công ty	01-07-2022	
<b>Ban Giám đốc</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bổ nhiệm</b>	<b>Miễn nhiệm</b>
- Ông Phan Minh Tuấn	Giám đốc	01-07-2017	01-07-2022
- Bà Lê Thị Thu Hằng	Phó Giám đốc	16-01-2019	
- Bà Thái Thị Hoa	Kế toán trưởng	10-01-2022	

### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Vũ Tiến Việt.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AACS đã được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

### **Công bố trách nhiệm của Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty đối với các Báo cáo tài chính**

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính, Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

Lập báo cáo tài chính dựa trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

Lập báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Chúng tôi cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đại diện và thay mặt Ban Giám đốc



**Vũ Tiên Việt**

Chủ tịch Công ty

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 08 tháng 02 năm 2023

AACS Auditing Company Limited  
15 Road 23, Tan Quy Ward  
District 7, Ho Chi Minh City, VietNam

Tel : +84 (028) 66 500 381  
Fax: +84 (028) 66 500 381  
www.aacs.com.vn

Số:008/2023/BCKT/AACS

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc cùng ngày, được lập ngày 08 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty đối với Báo cáo tài chính**

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực IX tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH Kiểm toán AACS



**Nguyễn Duy Mạnh**

Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5407-2020-294-1

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 09 tháng 02 năm 2023

**Trần Thanh Bình**

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4108-2020-294-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>12.099.416.816</b>	<b>11.689.411.631</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>985.700.388</b>	<b>495.241.307</b>
1. Tiền	111		985.700.388	495.241.307
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>9.500.000.000</b>	<b>9.500.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán KD (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.500.000.000	9.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.564.580.284</b>	<b>1.660.502.699</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.250.974.242	1.269.973.210
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	313.606.042	390.529.489
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>49.136.144</b>	<b>33.667.625</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	3.833.334	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.318.716	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.9	33.984.094	33.667.625
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>27.063.434.420</b>	<b>27.680.348.879</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.000.000</b>	<b>4.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	5.000.000	4.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>26.784.256.809</b>	<b>27.550.171.078</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	14.833.678.091	15.244.994.436
- Nguyên giá	222		18.747.938.271	19.403.908.946
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.914.260.180)	(4.158.914.510)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	11.950.578.718	12.305.176.642
- Nguyên giá	228		14.402.560.910	14.402.560.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.451.982.192)	(2.097.384.268)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>274.177.611</b>	<b>126.177.801</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	274.177.611	126.177.801
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>39.162.851.236</b>	<b>39.369.760.510</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.334.178.814</b>	<b>1.541.088.088</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.334.178.814</b>	<b>1.541.088.088</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	149.147.193	51.920.000
2. ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	V.9	118.985.103	251.761.180
4. Phải trả người lao động	314	V.10	768.949.982	955.669.336
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	20.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	1.430.068
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.11	297.096.536	260.307.504
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>37.828.672.422</b>	<b>37.828.672.422</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>37.828.672.422</b>	<b>37.828.672.422</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		37.828.672.422	37.828.672.422
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>39.162.851.236</b>	<b>39.369.760.510</b>

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 08 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Công ty



Thái Thị Hoa

Thái Thị Hoa

Vũ Tiến Việt

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	10.195.384.317	10.005.171.211
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>10.195.384.317</b>	<b>10.005.171.211</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5.094.292.359	4.929.474.882
5. <b>Lợi nhuận gộp bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>5.101.091.958</b>	<b>5.075.696.329</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	509.624.249	495.035.900
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	5.452.440.068	5.277.710.624
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>158.276.139</b>	<b>293.021.605</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.5	211.181.817	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	14.271.430	-
13. Lợi nhuận khác	40		196.910.387	-
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>355.186.526</b>	<b>293.021.605</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	78.624.879	63.240.288
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>276.561.647</b>	<b>229.781.317</b>

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 08 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Công ty



Thái Thị Hoa

Thái Thị Hoa

Vũ Tiến Việt

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		355.186.526	293.021.605
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS Đầu tư	02		765.914.269	825.103.669
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(432.162.356)	(495.035.900)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(36.789.032)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		652.149.407	623.089.374
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		278.741.775	657.287.929
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(285.534.153)	(565.476.974)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(151.833.144)	136.744.766
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		50.000.000	100.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(289.772.615)	(594.397.440)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>253.751.270</b>	<b>357.247.655</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		(13.200.000.000)	(13.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		13.200.000.000	11.900.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27		236.707.811	524.608.366
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>236.707.811</b>	<b>(575.391.634)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>490.459.081</b>	<b>(218.143.979)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		495.241.307	713.385.286
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>985.700.388</b>	<b>495.241.307</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 08 tháng 02 năm 2023

Chủ tịch Công ty



Vũ Tiến Việt

Thái Thị Hoa

Thái Thị Hoa

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX tiền thân là Công ty Hoa tiêu khu vực IX, là Công ty nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1552/QĐ-BGTVT ngày 02 tháng 06 năm 2008 thuộc Bộ Giao thông Vận tải. Ngày 25 tháng 06 năm 2010, Bộ Giao thông Vận tải ban hành Quyết định số 1769/QĐ-BGTVT về việc chuyển đổi Công ty Hoa tiêu khu vực IX thành Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX.

Ngày 24 tháng 10 năm 2011 theo quyết định số 2399/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX được chuyển về làm đơn vị thành viên của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500997973 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 02 tháng 12 năm 2008.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp	Vốn điều lệ (VND)
Đăng ký lần đầu	3500997973	02-12-2008	28.018.072.422
Thay đổi lần thứ nhất	3500997973	29-10-2010	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ hai	3500997973	01-10-2012	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ ba	3500997973	19-03-2015	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ tư	3500997973	03-07-2017	28.018.072.422
Điều chỉnh lần thứ năm	3500997973	21-03-2019	37.828.672.422
Điều chỉnh lần thứ sáu	3500997973	05-07-2022	37.828.672.422

Vốn điều lệ đăng ký: 37.828.672.422 VND

**Bằng chữ:** ba mươi bảy tỷ tám trăm hai mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2022: 37.828.672.422 VND

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Cung cấp dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Cung cấp dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng, khu neo đậu tàu, chuyển tải thuộc khu vực dầu khí phía Nam và các tuyến dẫn tàu được giao; Dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ đại lý và môi giới hàng hải; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn; Dịch vụ đào tạo hoa tiêu; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ; Cho thuê lại lao động; Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; Cho thuê phương tiện vận tải đường thủy; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Địa chỉ trụ sở hoạt động

Số 279 đường 3/2, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là tiền đồng Việt Nam (VND) và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ toàn bộ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam cũng như các quy định có liên quan đến công tác kế toán trên các phương diện trọng yếu.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế ngoài nước Việt Nam. Do đó, các nguyên tắc và thực hành kế toán tại Việt Nam có thể khác với nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 1. Các loại tỷ giá áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nhận tiền từ nhà đầu tư;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại.

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn (có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng) sẵn sàng có thể chuyển đổi thành tiền mà không gặp bất kỳ rủi ro trọng yếu nào.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 3. Các khoản đầu tư

#### a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

#### b. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo nguyên tắc giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

#### c. Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ước tính có thể thu được. Giá trị của các khoản phải thu được ước tính dựa trên giá trị ghi sổ các khoản phải thu trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi ước tính cho phần giá trị bị tổn thất do quá hạn thanh toán, khách hàng không có khả năng thanh toán.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cho hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng trạng thái và địa điểm hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành cùng với các chi phí phát sinh trong quá trình tiếp thị, bán hàng và phân phối sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập theo quy định hiện hành cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất và giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ.

### 6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hiện tại được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận chuyển	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

### 7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp;
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.
- Tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản:

Quyền sử dụng đất	41,7 năm
-------------------	----------

### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả các chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

### 9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn, được thể hiện theo giá trị còn lại. Chi phí trả trước được vốn hóa và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí trả trước mang lại lợi ích kinh tế trên 01 năm được phân loại là chi phí trả trước dài hạn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 10. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định dựa trên các khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận lãi từ các khoản đầu tư đó.

### 11. Chi phí

Chi phí sản xuất, kinh doanh và chi phí khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản chi phí này làm giảm bớt lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan đến việc giảm bớt tài sản hoặc tăng nợ phải trả và chi phí này phải xác định được một cách đáng tin cậy.

Các chi phí được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

### 12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các khoản chi phí lãi vay khác phát sinh được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

### 13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được trình bày theo tổng giá trị của thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Việc xác định các loại thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo thời kỳ và việc xác định sau cùng thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm	Đầu năm
<b>1 .Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
- Tiền mặt	108.531.254	174.199.559
- Tiền gửi ngân hàng	877.169.134	321.041.748
<b>Cộng</b>	<b>985.700.388</b>	<b>495.241.307</b>
<b>2 .Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng	9.500.000.000	9.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.500.000.000</b>	<b>9.500.000.000</b>
<b>3 .Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
- Công ty Cổ Phần Hàng Hải Thăng Long	276.745.865	504.787.103
- Công ty Cổ Phần Faicon Logistics	338.675.699	359.562.389
- Iss Gemadept Company Limited	248.379.125	82.354.502
- Công ty TNHH Thương Mại Vĩnh Khang	206.865.466	164.471.429
- Công ty TNHH MTV Điều Hành Thăm Dò Khai Thác Dầu Khí Trong Nước - Lô 05.1a	97.363.337	85.273.428
- Công ty Cổ Phần Vận Tải Dầu Phương Đông Việt	82.944.750	73.524.359
<b>Cộng</b>	<b>1.250.974.242</b>	<b>1.269.973.210</b>
<b>4 .Phải thu khác</b>		
<b>a .Các khoản phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>313.606.042</b>	<b>390.529.489</b>
- Dự thu tiền lãi gửi ngân hàng	305.476.713	272.599.589
- Thuế thu nhập cá nhân phải thu	671.967	116.998.044
- Phải thu ngắn hạn khác	7.457.362	931.856
<b>b .Các khoản phải thu khác dài hạn</b>	<b>5.000.000</b>	<b>4.000.000</b>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	5.000.000	4.000.000
<b>Cộng</b>	<b>318.606.042</b>	<b>394.529.489</b>
<b>5 .Chi phí trả trước</b>		
- Chi phí trả trước ngắn hạn	3.833.334	-
- Chi phí trả trước dài hạn	274.177.611	126.177.801
<b>Cộng</b>	<b>278.010.945</b>	<b>126.177.801</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

### 6. Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	17.718.470.737	-	1.342.679.766	342.758.443	-	19.403.908.946
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
Tặng do đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(622.470.675)	(33.500.000)	-	(655.970.675)
Số dư cuối năm	17.718.470.737	-	720.209.091	309.258.443	-	18.747.938.271
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	2.540.368.850	-	1.342.679.766	275.865.894	-	4.158.914.510
Khấu hao trong năm	374.133.924	-	-	37.182.421	-	411.316.345
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	-	(622.470.675)	(33.500.000)	-	(655.970.675)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.914.502.774	-	720.209.091	279.548.315	-	3.914.260.180
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	15.178.101.887	-	-	66.892.549	-	15.244.994.436
Tại ngày cuối năm	14.803.967.963	-	-	29.710.128	-	14.833.678.091

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

### 7 .Tài sản cố định ("TSCĐ") vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	14.402.560.910	-	-	-	-	14.402.560.910
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.402.560.910</b>	-	-	-	-	<b>14.402.560.910</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	2.097.384.268	-	-	-	-	2.097.384.268
Khấu hao trong năm	354.597.924	-	-	-	-	354.597.924
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.451.982.192</b>	-	-	-	-	<b>2.451.982.192</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	12.305.176.642	-	-	-	-	12.305.176.642
Tại ngày cuối năm	11.950.578.718	-	-	-	-	11.950.578.718



**CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX**

Số 279 đường 3/2, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Mẫu B09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Cuối năm		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>8 .Phải trả người bán ngắn hạn</b>					
- Nhà hàng Hữu Nghị	27.745.000	27.745.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thiết Bị PCCC và Bảo Hộ Lao Động Ngọc Quỳnh	52.184.000	52.184.000	51.920.000	51.920.000	51.920.000
- Công ty TNHH Dịch Vụ Masco	69.218.193	69.218.193	-	-	-
<b>b .Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>149.147.193</b>	<b>149.147.193</b>	<b>51.920.000</b>	<b>51.920.000</b>	<b>51.920.000</b>

**9 .Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp
- Thuế GTGT	11.318.716	-	258.353.659	223.434.979	-	23.599.964
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.382.358	-	81.000.000	78.624.879	24.007.237	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	118.985.103	658.092.116	548.916.003	-	228.161.216
- Thuế đất	7.601.736	-	-	2.058.652	9.660.388	-
- Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>45.302.810</b>	<b>118.985.103</b>	<b>1.000.445.775</b>	<b>856.034.513</b>	<b>33.667.625</b>	<b>251.761.180</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



Số 279 đường 3/2, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm	Đầu năm
	768.949.982	955.669.336
	<b>768.949.982</b>	<b>955.669.336</b>

**10. Phải trả người lao động**

- Tiền lương của người lao động

**Cộng****11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi Người quản lý và Người lao động**

Số đầu năm

- Quỹ thưởng Người quản lý điều hành công ty

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động

Tăng quỹ trong năm

- Quỹ thưởng Người quản lý điều hành Công ty

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động

+ Trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế

+ Khen thưởng từ chủ sở hữu

Chi quỹ

Số cuối năm

	Năm nay	Năm trước
	<b>260.307.504</b>	<b>524.923.627</b>
	9.213.067	12.785.480
	251.094.437	512.138.147
	<b>326.561.647</b>	<b>329.781.317</b>
	-	-
	326.561.647	329.781.317
	276.561.647	229.781.317
	50.000.000	100.000.000
	<b>(289.772.615)</b>	<b>(594.397.440)</b>
	<b>297.096.536</b>	<b>260.307.504</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

### 12. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng
	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác	
Số dư đầu năm trước	37.828.672.422	-	-	-	37.828.672.422
- Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	-	229.781.317	-	229.781.317
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(229.781.317)	-	-
Số dư đầu năm nay	37.828.672.422	-	-	-	37.828.672.422
- Lãi/(Lỗ) trong năm nay	-	-	276.561.647	-	276.561.647
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(276.561.647)	-	(276.561.647)
Số dư cuối năm nay	37.828.672.422	-	-	-	37.828.672.422

#### b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm

Nhà đầu tư	Cuối năm		Đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam	37.828.672.422	100%	37.828.672.422	100%
<b>Cộng</b>	<b>37.828.672.422</b>	<b>100%</b>	<b>37.828.672.422</b>	<b>100%</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
9.976.111.592	9.785.898.482
219.272.725	219.272.729
<b>10.195.384.317</b>	<b>10.005.171.211</b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
5.094.292.359	4.929.474.882
<b>5.094.292.359</b>	<b>4.929.474.882</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
509.624.249	495.035.900
<b>509.624.249</b>	<b>495.035.900</b>

#### 4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Thuế, phí và lệ phí
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
2.303.893.164	2.342.892.977
142.966.588	131.640.982
757.946.269	817.135.669
5.058.652	3.000.000
2.235.054.791	1.976.851.004
7.520.604	6.189.992
<b>5.452.440.068</b>	<b>5.277.710.624</b>

#### 5. Thu nhập khác

- Lãi từ hoạt động thanh lý TSCĐ
- Bán hồ sơ đấu giá TSCĐ
- Tiền hỗ trợ phòng chống Covid

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
195.454.545	-
727.272	-
15.000.000	-
<b>211.181.817</b>	<b>-</b>

#### 6. Chi phí khác

- Lỗ từ hoạt động thanh lý TSCĐ

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
14.271.430	-
<b>14.271.430</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

7 .Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
a- Tổng lợi nhuận trước thuế	355.186.526	293.021.605
b- Các khoản điều chỉnh tăng	37.937.869	158.694.739
+ Chi phí không hợp lệ	37.937.869	158.694.739
c- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
d- Tổng thu nhập chịu thuế (d=a+b-c)	393.124.395	451.716.344
e- Thuế TNDN phải nộp	78.624.879	90.343.259
f- Thuế TNDN được miễn giảm	-	27.102.981
g- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	78.624.879	63.240.288
<b>h- Lợi nhuận sau thuế TNDN (h=a-g)</b>	<b>276.561.647</b>	<b>229.781.317</b>

## VII .NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1 .Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Sau ngày kết thúc không phát sinh các sự kiện trọng yếu đòi hỏi phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.

### 2 .Thông tin về các bên liên quan

Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam	Chủ sở hữu	Nhận tiền khen thưởng	50.000.000	100.000.000
<b>Lương người quản lý, kiểm soát viên</b>				
- Quỹ tiền lương kế hoạch			1.135.428.571	1.092.000.000
- Quỹ tiền lương thực hiện (tạm trích)			1.225.610.932	1.096.629.667

### 3 .Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm 2022 là số dư cuối năm 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 số liệu này đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán FAC - Chi nhánh Đệ Nhất.

### 4 .Thông tin về hoạt động liên tục

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty xác nhận Công ty không có ý định chấm dứt hoạt động hoặc thu hẹp quy mô trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc niên độ. Do vậy, báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở hoạt động liên tục."

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Công ty

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 08 tháng 02 năm 2023

Thái Thị Hoa

Thái Thị Hoa



Vũ Tiến Việt